

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TBP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 18-5-2022
V/v “Chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B P

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh
Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh
Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lực - Thư ký Tòa án nhân dân TBP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TBP tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TBP mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân TPĐX, TBP bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng X, TBP kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1965 (có mặt).
Trú tại: Tổ 4, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đồng X, TBP.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đ X, TBP (Theo giấy ủy quyền ngày 24/3/2022)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1949 (vắng mặt-Do mất tích theo quyết định tuyên bố một người mất tích số 10/2019/QĐDS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân TPĐX, TBP).

Nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Văn D: Tổ 4, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đ X, TBP.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân TBP; địa chỉ: Đường 6/1, phường Tân Phú, thành phố Đ X, TBP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Ngày 21/6/1996 tôi có mua của ông Trần Quang Hùng, sinh năm 1963, trú tại Đội 3, ấp Tân Đồng 5, thị trấn Đồng X, huyện Đ P, tỉnh Sông B (nay là tổ 4, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đ X, TBP) phần đất có diện tích 225m² (chiều ngang 05m, chiều dài 45m), phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi rộng 05m; phía Bắc giáp vườn của ông Thành, bà Vui; phía Đông giáp vườn của ông Cường; phía Nam giáp vườn của ông Hùng với giá 06 chỉ vàng. Tôi đã giao đủ số tiền cho ông Hùng và ông Hùng cũng đã bàn giao đất cho tôi quản lý, sử dụng từ ngày 21/6/1996 cho đến nay. Ngày 27/02/2000 tôi đã làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, sau khi đo đạc lại diện tích đất tôi đã mua của ông Hùng, ngày 12/8/2002 Ủy ban nhân dân TBP đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi được sử dụng phần đất có diện tích 242m² thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 19 theo sổ sổ T092223, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 QSDĐ/1432/QĐUB.

Sau khi tôi mua đất của ông Trần Quang Hùng vào ngày 21/6/1996, mãi đến năm 2001 tôi mới kết hôn với ông Nguyễn Văn D (tôi và ông D làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Đồng, thị xã Đồng X, TBP) cho nên đây là tài sản riêng của tôi, tài sản có trước hôn nhân, không liên quan đến ông Nguyễn Văn D.

Khi đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có một mình tôi nhưng không biết tại sao ngày 12/8/2002 Ủy ban nhân dân TBP lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất có diện tích 242m² thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 19 theo sổ sổ T092223, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 QSDĐ/1432/QĐUB do Ủy ban nhân dân TBP cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L, là tài sản riêng của tôi.

Tại phiên tòa sơ thẩm tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Tôi yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 222m² thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 19 theo sổ sổ T092223, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 QSDĐ/1432/QĐUB ngày 12/8/2002 được Phòng Nông

nghiệp địa chính thị xã Đồng X chỉnh lý trang 4 ngày 13/01/2003 do sai sót về số liệu diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 QSDĐ/1432/QĐUB không đúng, Ủy ban nhân dân TBP cấp luôn cả phần diện tích đất hành lang 20m² nên ngày 13/01/2003 Phòng Nông nghiệp địa chính thị xã Đồng X đã điều chỉnh biến động theo quyết định số 3055/QĐUB ngày 05/12/2003 tại trang 4 diện tích còn lại là 222m², thổ cư 222m² là tài sản riêng của tôi.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày**

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân TPĐX đã quyết định:

[1]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 28; Điều 29; Điều 33; Điều 39; Điều 43; Điều 44; Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L đã rút.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Công nhận phần đất có diện tích 222m² thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 19 theo sổ sổ T092223, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 QSDĐ/1432/QĐUB do Ủy ban nhân dân TBP cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2002 được Phòng Nông nghiệp địa chính thị xã Đồng X chỉnh lý trang 4 ngày 13/01/2003 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ X, TBP kháng nghị Bản án sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân TPĐX, TBP theo hướng hủy toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TBP rút một phần kháng nghị số 373/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 08/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ X, TBP chỉ giữ một phần Quyết định kháng nghị liên quan đến nội dung: Để có căn cứ kết luận Phần đất có diện tích đất 222m²

thuộc thửa số 553, tờ bản đồ số 19 do UBND TBP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/8/2002 có số sổ T092223, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666QSDĐ/1432/QĐUB cho hộ bà Nguyễn Thị L, là tài sản riêng của bà L hay tài sản chung của vợ chồng bà L, ông D cần phải làm rõ: Tại sao tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất cho hộ bà L, hộ bà L chỉ có một mình bà L nhưng UBND TBP không cấp giấy chứng nhận riêng cho bà L mà cấp cho hộ bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù UBND TBP đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng không có mặt, nên không làm rõ được nội dung này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TBP:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung rút một phần một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện KSND thành phố Đ X, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần đã rút kháng nghị; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện KSND thành phố Đ X, hủy Bản án sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân TPĐX để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ X, TBP làm trong thời gian luật định, phù hợp với Điều 278, 279 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ X, TBP Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TBP rút một phần kháng nghị, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần vụ án.

Đối với phần nội dung kháng nghị còn lại, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thu thập bổ sung tại giai đoạn phúc thẩm, trong vụ án này thì Tài sản tranh chấp là diện tích đất 242m² thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 19 theo số sổ T092223, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666

QSDĐ/1432/QĐUB do Ủy ban nhân dân TBP cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2002 được Phòng Nông nghiệp địa chính thị xã Đồng X chỉnh lý trang 4 ngày 13/01/2003.

Thứ nhất, Về nguồn gốc: Diện tích đất tranh chấp trên bà L nhận chuyển nhượng của ông Trần Quang Hùng sinh năm 1963, trú tại Đội 3, ấp Tân Đồng 5, thị trấn Đồng X, huyện Đ P, tỉnh Sông B(nay là tổ 4, khu phố Phú Lộc, phường Tân Phú, thành phố Đ X, TBP) có diện tích 225m² (chiều ngang 05m, chiều dài 45m), phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi rộng 05m; phía Bắc giáp vườn của ông Thành, bà Vui; phía Đông giáp vườn của ông Cường; phía Nam giáp vườn của ông Hùng với giá 06 chỉ vàng, bà L đã giao đủ số tiền cho ông Hùng và ông Hùng cũng đã bàn giao đất cho bà L quản lý, sử dụng từ ngày 21/6/1996 cho đến nay.

Ngày 27/02/2000 bà L làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L có khai chồng là ông Đoàn Phi H. Tuy nhiên, hồ sơ ly hôn giữa bà L và ông Hùng đã xác định tài sản của bà L.

Thứ hai, Ngày 12/8/2002 UBND TBP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị L thì thời điểm này theo Văn bản trả lời xác minh của Công an thành phố Đ X thì hộ gia đình bà L chỉ có một mình duy nhất là bà Nguyễn Thị L.

Thứ ba, Năm 2001, bà L kết hôn với ông D, là bị đơn trong vụ án này thì trong hồ sơ đăng ký đất đai do cơ quan quản lý đất đai cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm thì không có tài liệu nào thể hiện việc bà L nhập tài sản là diện tích đất 242m² thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 19 theo sổ sổ T092223, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 QSDĐ/1432/QĐUB do Ủy ban nhân dân TBP cấp, vào tài sản chung giữa bà L với ông D. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn D và con tên là Nguyễn Văn Cường sinh năm 1976, mãi ngày 22/9/2009 mới nhập hộ khẩu vào hộ bà L .

Như vậy, với những phân tích trên có đủ căn cứ xác định đây là tài sản riêng của bà L. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm có một số thiếu sót nhưng đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Do bản chất của vụ án không thay đổi nên yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ X, TBP đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là không cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng nghị còn lại của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ X, TBP.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TBP đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận việc rút một phần kháng nghị số 373/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 08/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ X, TBP đình chỉ xét xử một phần vụ án.

2. Không chấp một phần kháng nghị số 373/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 08/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ X, TBP về việc hủy bản án sơ thẩm.

2. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân TPĐX, TBP.

[1]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 28; Điều 29; Điều 33; Điều 39; Điều 43; Điều 44; Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L đã rút.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Công nhận phần đất có diện tích 222m² thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 19 theo sổ sổ T092223, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00666 QSDĐ/1432/QĐUB do Ủy ban nhân dân TBP cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L ngày 12/8/2002 được Phòng Nông nghiệp địa chính thị xã Đồng X chỉnh lý trang 4 ngày 13/01/2003 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0025061, quyển số 000502 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ X, TBP.

Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TBP;
- TAND TP Đồng X;
- Chi cục THADS TP Đồng X;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh

